

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Trên cơ sở Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua và phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2022;

Xét Tờ trình số 2595/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2022; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2022, với nội dung cụ thể như sau:

1. Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương: điều chỉnh (giảm/tăng) là 46.400 triệu đồng (*Bốn mươi sáu tỷ, bốn trăm triệu đồng*), trong đó:

- Điều chỉnh giảm 46.400 triệu đồng của 05 dự án.
- Điều chỉnh tăng 46.400 triệu đồng bố trí cho 05 dự án.

2. Nguồn vốn xổ số kiến thiết: điều chỉnh (giảm/tăng) là 180.569 triệu đồng (*Một trăm tám mươi tỷ, năm trăm sáu mươi chín triệu đồng*), trong đó:

- Điều chỉnh giảm 180.569 triệu đồng của 09 dự án và vốn dự phòng.
- Điều chỉnh tăng 180.569 triệu đồng bố trí cho 16 dự án, các công trình có quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành và hỗ trợ có mục tiêu cho huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

3. Nguồn bội chi ngân sách địa phương (vốn nước ngoài tỉnh vay lại của Chính phủ): điều chỉnh (giảm/tăng) là 1.500 triệu đồng (*Một tỷ, năm trăm triệu đồng*), trong đó:

- Điều chỉnh giảm 1.500 triệu đồng của 01 dự án.
- Điều chỉnh tăng 1.500 triệu đồng bố trí cho 01 dự án.

(Kèm theo Phụ lục I và Phụ lục I.a)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2022./. *KV*

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: KH và ĐT, TC;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: KH và ĐT, TC, KBNN,
Cục thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái



Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Số vốn thuộc KHTH đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						Giảm	Tăng	Nguyên nhân điều chỉnh giảm/tăng kế hoạch vốn
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
STT	TỔNG SỐ						3.933.989	2.345.218	2.366.042	580.762	583.700	583.700	228.469	228.469	-
A	NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG						2.014.772	782.110	504.500	70.900	156.600	156.600	46.400	46.400	-
	TỈNH QUẢN LÝ						2.014.772	782.110	504.500	70.900	156.600	156.600	46.400	46.400	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN						2.014.772	782.110	504.500	70.900	156.600	156.600	46.400	46.400	
1)	Quốc phòng - An ninh và trật tự, an toàn xã hội						20.000	20.000	18.000	8.000	5.000	10.000	-	5.000	
	<i>Dự án chuyển tiếp sang năm 2022</i>						20.000	20.000	18.000	8.000	5.000	10.000	-	5.000	
	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở làm việc cho Công an 95 xã, thị trấn thuộc tỉnh Trà Vinh	trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	cấp III	2021-2023	3773/QĐ-UBND 26/11/2020	20.000	20.000	18.000	8.000	5.000	10.000	5.000		Bổ sung vốn thanh toán khối lượng dự án hoàn thành đưa vào sử dụng
2)	Bảo vệ môi trường						64.644	11.982	3.000	1.500	1.500	1.000	500	-	
	<i>Dự án chuyển tiếp sang năm 2022</i>						64.644	11.982	3.000	1.500	1.500	1.000	500	-	
	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	Toàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Xây dựng hệ thống thông tin đất đai	2017-2022	1236/QĐ-BTNMT, 30/5/2016; 186/QĐ-UBND, 29/6/2017	64.644	11.982	3.000	1.500	1.500	1.000	500		Hiện nay dự án đang nghiệm thu hoàn thành và dự kiến không sử dụng hết vốn; đề xuất chuyển sang dự án khác có nhu cầu bổ sung vốn
3)	Các hoạt động kinh tế						1.885.128	705.128	443.500	49.400	140.100	117.600	45.900	23.400	
3.1	Giao thông						1.876.252	696.252	435.500	45.400	136.100	114.600	44.900	23.400	
(1)	<i>Dự án chuyển tiếp sang năm 2022</i>						1.755.252	575.252	327.500	45.400	136.100	113.200	44.900	22.000	

KW

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Số vốn thuộc KHTH đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						Giảm	Tăng	Nguyên nhân điều chỉnh giảm/tăng kế hoạch vốn	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
1	Hạ tầng giao thông kết nối Trung tâm thành phố Trà Vinh, huyện Châu Thành, Càng Long với Quốc lộ 60 và Quốc lộ 53 (giai đoạn 2)	Càng Long, Châu Thành và TPTV	BQL DA ĐTXD các công trình giao thông	Cấp III	2021-2024	3558/QĐ-UBND 28/10/2020	1.498.000	318.000	170.000		80.000	36.792	43.208		Tập trung giải ngân vốn NSTW; điều chỉnh giảm vốn NST chuyển sang dự án khác có nhu cầu bổ sung vốn thanh toán khối lượng	
2	Cải tạo, nâng cấp Đường huyện 10, huyện Châu Thành	Châu Thành	BQL DA ĐTXD các công trình giao thông	Cấp IV ĐB	2021-2023	3794/QĐ-UBND 30/11/2020; 2715/QĐ-UBND 22/11/2021	70.000	70.000	70.000	9.000	30.000	42.000		12.000	Bổ sung vốn thanh toán chi phí Bồi thường GPMB khoảng 42 tỷ đồng; dự kiến trong tháng 07/2022 chi trả cho người dân	
3	Đường nội bộ trung tâm huyện Duyên Hải	Duyên Hải	UBND huyện Duyên Hải	Đường nội ô	2019-2023	2311/QĐ-UBND 31/10/2019	113.000	113.000	50.000	10.000	15.000	25.000		10.000	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành (dự kiến tháng 8/2022 hoàn thành)	
4	Đường nhựa từ 19-5 đến Quốc Lộ 53, thị xã Duyên Hải	thị xã Duyên Hải	UBND thị xã Duyên Hải	Đường đô thị	2021-2023	3849/QĐ-UBND 01/12/2020	14.252	14.252	12.500	11.400	1.100	108	992		Do vướng mặt bằng thi công và dự án đã được cấp có thẩm quyền cắt giảm quy mô đầu tư nên không sử dụng hết vốn được giao	
5	Nâng cấp, mở rộng đường Bùi Hữu Nghĩa, thành phố Trà Vinh	TPTV	UBND thành phố Trà Vinh	Cấp III	2019-2021	2261/QĐ-UBND 30/10/2019	60.000	60.000	25.000	15.000	10.000	9.300	700		Do tiết kiệm sau đấu thầu và dự án hoàn thành đưa vào sử dụng; hết nhiệm vụ chi	
(2)	Dự án khởi công mới năm 2022							121.000	121.000	108.000	-	-	1.400	-	1.400	
	Đầu tư, nâng cấp các tuyến đường trên địa bàn thị xã Duyên Hải đáp ứng tiêu chí đô thị loại IV	thị xã Duyên Hải	UBND thị xã Duyên Hải	cấp IV	2022-2025	96/QĐ-UBND 13/01/2022	121.000	121.000	108.000			1.400		1.400	Bổ trí vốn để thực hiện công tác lập dự án và triển khai thiết kế bước 02 đảm bảo triển khai dự án ngay sau khi bố trí KH vốn năm 2023	
3.2	Du lịch						8.876	8.876	8.000	4.000	4.000	3.000	1.000	-		
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2022							8.876	8.876	8.000	4.000	4.000	3.000	1.000	-	

KV

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Số vốn thuộc KHTH đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						Giảm	Tăng	Nguyên nhân điều chỉnh giảm/tăng kế hoạch vốn
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Hạ tầng Làng Văn hóa Du lịch Khmer tỉnh Trà Vinh	TPTV	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hạ tầng	2021-2023	395/QĐ-SKHĐT 27/11/2020	8.876	8.876	8.000	4.000	4.000	3.000	1.000		Do tiết kiệm sau đấu thầu, cắt giảm quy mô một số hạng mục nên không sử dụng hết vốn được giao
4)	Hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội						45.000	45.000	40.000	12.000	10.000	28.000	-	18.000	
	<i>Dự án chuyển tiếp sang năm 2022</i>						45.000	45.000	40.000	12.000	10.000	28.000	-	18.000	
	Sân lấp mặt bằng khu trung tâm huyện Duyên Hải (giai đoạn 2)	Duyên Hải	UBND huyện Duyên Hải	hạ tầng kỹ thuật	2021-2023	3831/QĐ-UBND 01/12/2020	45.000	45.000	40.000	12.000	10.000	28.000		18.000	Bổ sung vốn thanh toán theo tiến độ hợp đồng hoàn thành dự án
B	NGUỒN VỐN XÓ SỐ KIẾN THIẾT						1.739.560	1.527.260	1.861.542	506.662	415.600	415.600	180.569	180.569	-
I	TỈNH QUẢN LÝ						1.739.560	1.527.260	1.311.542	306.662	415.600	385.600	180.569	150.569	
1)	Các công trình có quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành (Chi tiết theo Phụ lục 01.a)								30.000			15.498		15.498	Bổ sung vốn thanh toán công nợ quyết toán hoàn thành dự án
2)	Y tế						357.854	290.354	252.900	15.000	110.000	53.400	65.000	8.400	
(1)	<i>Dự án chuyển tiếp sang năm 2022</i>						126.854	59.354	42.400	15.000	5.000	3.400	5.000	3.400	
1	Cung cấp trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa khu vực Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh	Tiểu Cần	Sở Y tế	TTB	2010-2022	1578/QĐ-UBND 20/8/2010; 2372/QĐ-UBND 21/12/2015	82.755	15.255	3.400			3.400		3.400	Bổ sung vốn NST đối ứng vốn ODA, để thực hiện tiền nộp thuế GTGT và nộp thuế nhập khẩu mua sắm trang thiết bị theo Hiệp định ký kết
2	Xây dựng và triển khai Hệ thống bệnh án điện tử, thông tin cận lâm sàng PACS, LIS trong các cơ sở khám, chữa bệnh.	Toàn tỉnh	BQL DA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	Đầu tư mới và nâng cấp	2021-2023	3802/QĐ-UBND 30/11/2020	44.099	44.099	39.000	15.000	5.000	-	5.000		Do phải điều chỉnh thiết kế dự án và hiện nay tập trung giải ngân hết vốn năm 2021 chuyển sang năm 2022; khả năng cuối năm không giải ngân hết vốn giao năm 2022
(2)	<i>Dự án khởi công mới năm 2022</i>						231.000	231.000	210.500	-	105.000	50.000	60.000	5.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Số vốn thuộc KHTH đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT						Giảm	Tăng	Nguyên nhân điều chỉnh giảm/tăng kế hoạch vốn
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	TPTV	BQL DA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	TTB	2021-2024	2678/QĐ-UBND 18/11/2021	219.000	219.000	200.000		100.000	40.000	60.000		Do vướng công tác thẩm định giá và theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 18/11/2021 của Chính phủ. Khả năng cuối năm không giải ngân hết kế hoạch vốn được giao
2	Đầu tư, nâng cấp các Bệnh xá quân y kết hợp lĩnh vực Biên phòng tỉnh Trà Vinh	Trên địa bàn tỉnh	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	công trình cấp III	2022-2024	2667/QĐ-UBND 18/11/2021	12.000	12.000	10.500		5.000	10.000	5.000		Bổ sung vốn thanh toán nợ đọng khối lượng hoàn thành và thanh toán theo tiến độ. Dự kiến trong quý III/2022 hoàn thành đưa vào sử dụng
3)	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề						714.086	704.286	589.800	171.320	143.580	236.622	3.129	96.171	
(1)	Dự án chuyển tiếp sang năm 2022						554.086	544.286	449.800	171.320	143.580	234.622	3.129	94.171	
1	Trường Trung học cơ sở Hiệp Mỹ Tây, huyện Cầu Ngang	Cầu Ngang	UBND huyện Cầu Ngang	Cấp III	2020-2022	2273/QĐ-UBND 30/10/2019	41.000	41.000	29.500	14.420	13.580	15.080		1.500	Dự án hoàn thành thiếu vốn
	Cải tạo, nâng cấp mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn tỉnh														
2	Cải tạo, nâng cấp mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Cầu Ngang	Cầu Ngang	UBND huyện Cầu Ngang	cấp III	2020-2022	2304/QĐ-UBND 31/10/2019	29.383	29.383	13.000	8.000	5.000	2.871	2.129		Do tiết kiệm sau đấu thầu và dự án hoàn thành hết nhiệm vụ chi
3	Cải tạo, nâng cấp mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Càng Long	Càng Long	UBND Càng Long	cấp III	2020-2022	2302/QĐ-UBND 31/10/2019	25.000	25.000	6.000	6.000		4.000		4.000	Bổ sung vốn thanh toán nợ đọng dự án hoàn thành đưa vào sử dụng
4	Cải tạo, nâng cấp mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn thành phố Trà Vinh	TPTV	UBND thành phố Trà Vinh	cấp III	2020-2022	2309/QĐ-UBND 31/10/2019	20.000	20.000	10.000	6.700	500	-	500		Do tiết kiệm sau đấu thầu và giảm khối lượng thi công; hiện nay dự án hoàn thành đưa vào sử dụng hết nhiệm vụ chi
	Nâng cấp, mở rộng các Trường mầm non trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (giai đoạn 2021 - 2025)														

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Số vốn thuộc KHTH đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						Giảm	Tăng	Nguyên nhân điều chỉnh giảm/tăng kế hoạch vốn
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5	Nâng cấp, mở rộng các Trường mầm non trên địa bàn huyện Cầu Kè (giai đoạn 2021-2025)	huyện Cầu Kè	UBND huyện cầu Kè	cấp III	2021-2023	3810/QĐ-UBND 30/11/2020	28.050	28.050	25.500	10.000	10.000	15.500		5.500	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng dự án hoàn thành
6	Nâng cấp, mở rộng các Trường mầm non trên địa bàn huyện Duyên Hải (giai đoạn 2021-2025)	huyện Duyên Hải	UBND huyện Duyên Hải	cấp III	2021-2023	3832/QĐ-UBND 01/12/2020	23.000	23.000	19.500	8.000	12.000	11.500	500		Do tiết kiệm sau đấu thầu và dự án hoàn thành hết nhiệm vụ chi
7	Nâng cấp, mở rộng các Trường mầm non trên địa bàn huyện Tiểu Cần (giai đoạn 2021-2025)	huyện Tiểu Cần	UBND huyện Tiểu Cần	cấp III	2021-2023	3781/QĐ-UBND 27/11/2020	35.453	35.453	33.600	14.000	13.000	19.600		6.600	Bổ sung vốn thanh toán nợ khối lượng hoàn thành và theo tiến độ hợp đồng (Dự kiến trong tháng 7/2022 hoàn thành đưa vào sử dụng)
8	Nâng cấp, mở rộng các Trường mầm non trên địa bàn huyện Trà Cú (giai đoạn 2021-2025)	huyện Trà Cú	UBND huyện Trà Cú	cấp III	2021-2023	3841/QĐ-UBND 01/12/2020	44.500	44.500	40.000	16.000	12.000	24.000		12.000	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành theo tiến độ hợp đồng
	Nâng cấp, mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (giai đoạn 2021 - 2025)														
9	Nâng cấp, mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Cầu Kè (giai đoạn 2021-2025)	huyện Cầu Kè	UBND huyện cầu Kè	cấp III	2021-2023	3811/QĐ-UBND 30/11/2020	36.400	36.400	32.000	13.200	10.000	18.800		8.800	Bổ sung vốn thanh toán nợ khối lượng hoàn thành và theo tiến độ hợp đồng (Dự kiến trong tháng 06/2022 nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng)
10	Nâng cấp, mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Duyên Hải (giai đoạn 2021-2025)	huyện Duyên Hải	UBND huyện Duyên Hải	cấp III	2021-2024	3833/QĐ-UBND 01/12/2020	85.000	85.000	76.500	20.000	20.000	25.000		5.000	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành theo tiến độ hợp đồng
11	Nâng cấp, mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Tiểu Cần (giai đoạn 2021-2025)	huyện Tiểu Cần	UBND huyện Tiểu Cần	cấp III	2021-2023	3837/QĐ-UBND 01/12/2020	41.500	41.500	39.000	15.000	14.500	24.000		9.500	Bổ sung vốn thanh toán nợ khối lượng hoàn thành và theo tiến độ hợp đồng (Dự kiến trong tháng 06/2022 nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng)

KW

7

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Số vốn thuộc KHTH đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						Giảm	Tăng	Nguyên nhân điều chỉnh giảm/tăng kế hoạch vốn	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
12	Nâng cấp, mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Trà Cú (giai đoạn 2021-2025)	huyện Trà Cú	UBND huyện Trà Cú	cấp III	2021-2024	3842/QĐ-UBND 01/12/2020	90.000	90.000	81.000	25.000	18.000	50.000		32.000	Bổ sung vốn thanh toán nợ khối lượng hoàn thành và theo tiến độ hợp đồng (Dự kiến trong quý III/2022 nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng)	
13	Nâng cấp, mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn thị xã Duyên Hải (giai đoạn 2021-2025)	thị xã Duyên Hải	UBND thị xã Duyên Hải	cấp III	2021-2024	3758/QĐ-UBND 24/11/2020	54.800	45.000	44.200	15.000	15.000	24.271		9.271	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo tiến độ hợp đồng	
(2)	Dự án khởi công mới năm 2022							160.000	160.000	140.000	-	-	2.000	-	2.000	
	Nâng cấp, cải tạo mở rộng các Trường THPT, DTNT trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	trên địa bàn tỉnh	BQL DA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	cấp III	2022-2025	916/QĐ-UBND 27/5/2022	160.000	160.000	140.000			2.000		2.000	Đầu năm giao 01 tỷ đồng vốn chuẩn bị đầu tư, đề xuất bổ sung vốn thực hiện dự án để triển khai công tác thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	
4)	Các công trình, dự án đầu tư phòng chống thiên tai, chống biến đổi khí hậu và các nhiệm vụ đầu tư quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP							667.620	532.620	438.842	120.342	117.020	80.080	67.440	30.500	
(1)	Dự án chuyển tiếp sang năm 2022							482.620	347.620	283.842	120.342	63.160	79.130	14.530	30.500	
1	Trạm bơm kênh 3 tháng 2, tỉnh Trà Vinh	Trà Cú, Tiểu Cần	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cấp III	2021	534/QĐ-UBND 18/3/2021	244.620	109.620	69.000	65.000		4.000		4.000	Bổ sung vốn thanh toán nợ khối lượng hoàn thành và theo tiến độ hợp đồng (Dự kiến trong quý III/2022 nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng)	
2	Kè chống sạt lở thị trấn Cầu Ngang và xã Thuận Hòa, huyện Cầu Ngang (đoạn còn lại)	Cầu Ngang	BQL DA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chiều dài 705 m	2021-2022	3782/QĐ-UBND 27/11/2020	58.000	58.000	53.342	18.342	10.000	35.000		25.000	Bổ sung vốn thanh toán nợ đọng khối lượng hoàn thành và hoàn thành dự án đưa vào sử dụng	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Số vốn thuộc KHTH đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						Giảm	Tăng	Nguyên nhân điều chỉnh giảm/tăng kế hoạch vốn	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
3	Sân vận động (mới) tỉnh Trà Vinh (giai đoạn 2)	TPTV	BQL DA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	Cấp III	2021-2024	396/QĐ-UBND 24/02/2021	110.000	110.000	99.000	2.000	31.160	21.160	10.000		Do biến động giá làm tăng tổng mức đầu tư; hiện nay đang rà soát điều chỉnh dự án nên khả năng cuối năm không giải ngân hết vốn; đề xuất chuyển sang dự án khác có nhu cầu bổ sung	
4	Đường giao thông liên xã Hòa Tân - An Phú Tân, huyện Cầu Kè	Cầu Kè	UBND huyện Cầu Kè	Đường GTNT	2021-2023	3812/QĐ-UBND 30/11/2020	13.000	13.000	11.000	7.000	4.000	2.500	1.500		Do cắt giảm chi phí hỗ trợ BT GPMB; hiện nay dự án hoàn thành không sử dụng hết vốn, đề xuất chuyển sang dự án khác có nhu cầu	
5	Đường kết nối Hương Lộ 37 đến Quốc lộ 60 cũ, xã Nhị Long, huyện Càng Long	Càng Long	UBND huyện Càng Long	cấp IV đồng bằng	2021-2023	3808/QĐ-UBND 30/11/2020	20.000	20.000	18.500	12.000	5.000	6.500		1.500	Nhu cầu thực tế dự án hoàn thành còn thiếu vốn; đề xuất bổ sung vốn thanh toán khối lượng dự án hoàn thành	
6	Các tuyến đường nội ô thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần	Tiểu Cần	UBND huyện Tiểu Cần	Đường đô thị	2021-2023	3836/QĐ-UBND 01/12/2020	37.000	37.000	33.000	16.000	13.000	9.970	3.030		Dự án vận động nhân dân hiến đất, hiện nay đang vướng mặt bằng cục bộ, khả năng cuối năm không giải ngân hết vốn; đề xuất cắt giảm chuyển sang dự án khác có nhu cầu bổ sung vốn	
(2)	Dự án khởi công mới năm 2022							185.000	185.000	155.000	-	53.860	950	52.910	-	
	Đường Vành đai 3, thành phố Trà Vinh	TPTV, Châu Thành	BQL DA ĐTXD các công trình giao thông	cấp III	2022-2025	2671/QĐ-UBND 18/11/2021	185.000	185.000	155.000		53.860	950	52.910		Do tăng chi phí BT GPMB làm tăng tổng mức đầu tư; hiện nay đang rà soát điều chỉnh dự án nên khả năng đến cuối năm không giải ngân được vốn; đề nghị cắt giảm kế hoạch vốn chuyển sang các dự án khác có nhu cầu bổ sung	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Số vốn thuộc KHTH đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						Giảm	Tăng	Nguyên nhân điều chỉnh giảm/tăng kế hoạch vốn
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5)	Dự phòng										45.000		45.000		
II	PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ								550.000	200.000		30.000	-	30.000	
	Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới								550.000	200.000		30.000	-	30.000	
	UBND huyện Trà Cú											30.000		30.000	Hỗ trợ đầu tư đáp ứng tiêu chí huyện nông thôn mới
C	NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI TỈNH VAY LẠI CỦA CHÍNH PHỦ)						179.657	35.848	-	3.200	11.500	11.500	1.500	1.500	-
	TỈNH QUẢN LÝ						179.657	35.848	-	3.200	11.500	11.500	1.500	1.500	
1)	Công nghệ thông tin						64.644	11.982	-	3.200	1.500	-	1.500	-	
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2022						64.644	11.982	-	3.200	1.500	-	1.500	-	
	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	Toàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Xây dựng hệ thống thông tin đất đai	2017-2022	1236/QĐ-BTNMT, 30/5/2016; 186/QĐ-UBND, 29/6/2017	64.644	11.982		3.200	1.500	-	1.500		Dự án hiện nay đã hoàn thành, hết nhiệm vụ chi từ nguồn vốn tỉnh vay lại
2)	Y tế						115.013	23.866	-	-	10.000	11.500	-	1.500	
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2022						115.013	23.866	-	-	10.000	11.500	-	1.500	
	"Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở" Dự án thành phần tỉnh Trà Vinh	trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	cấp III	2019-2024	501/QĐ-UBND 27/3/2019	115.013	23.866			10.000	11.500		1.500	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành theo tiến độ hợp đồng và đảm bảo theo tỷ lệ giải ngân vốn tỉnh vay lại với vốn ODA cấp phát từ NSTW

KV



Phụ lục I.a

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Vốn đã thanh toán (triệu đồng)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 (đồng)	Ghi chú
						Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				
							Tổng số: (Triệu đồng)	Trong đó: NSNN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ						1.076.408	1.076.408	897.569	15.497.937.400	
	NGUỒN XỔ SỐ KIẾN THIẾT						1.076.408	1.076.408	897.569	15.497.937.400	
	Vốn các công trình có quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành						1.076.408	1.076.408	897.569	15.497.937.400	
1	Trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang thi công Luồng tàu có tải trọng lớn vào sông Hậu	Huyện Duyên Hải	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công trình nông nghiệp	2019	182/QĐ-SKHĐT, 24/8/2018	1.363	1.363	1.193	32.170.918	
2	Dự án đầu tư và phát triển bền vững rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh	Trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công trình nông nghiệp	2015 - 2020	1411/QĐ-UBND, 31/8/2015; 2618/QĐ-UBND, 08/12/2016; 889/QĐ-UBND, 10/5/2018	94.000	94.000	71.915	154.532.000	
3	Kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển ấp Cồn Trứng, xã Trường Long Hòa, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (dự án lập lại)	Thị xã Duyên Hải	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công trình nông nghiệp	2013 - 2019	1944/QĐ-UBND, 16/10/2013; 1069/QĐ-UBND, 27/6/2014; 1297/QĐ-UBND, 20/7/2017	272.163	272.163	223.836	2.801.125.600	

KW

11

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Vốn đã thanh toán (triệu đồng)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 (đồng)	Ghi chú
						Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				
							Tổng số: (Triệu đồng)	Trong đó: NSNN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	Đầu tư bổ sung hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản cánh đồng Trà Côn - cánh đồng Tây, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Huyện Cầu Ngang	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công trình nông nghiệp	2019-2021	2126/QĐ-UBND, 30/10/2018	30.000	30.000	29.619	262.603.500	
5	Xây dựng kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh, thuộc tuyến đê Long Hữu - Hiệp Thạnh	Thị xã Duyên Hải	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công trình nông nghiệp	2020-2021	2861/QĐ-UBND, 30/7/2020	42.000	42.000	35.679	76.057.000	
6	Nâng cấp, mở rộng Hương lộ 7 đoạn Km12+900 - Km19+300, huyện Càng Long	Huyện Càng Long	Sở Giao thông vận tải	Công trình giao thông	2018-2020	1998/QĐ-UBND, 10/10/2018; 620/QĐ-UBND, 11/4/2019	40.000	40.000	37.358	92.612.593	
7	Đường giao thông phục vụ vùng nuôi tôm công nghiệp xã Đôn Xuân, huyện Duyên Hải	Huyện Duyên Hải	Sở Giao thông vận tải	Công trình giao thông	2018 - 2020	2143/QĐ-UBND, 31/10/2018; 413/QĐ-UBND, 13/3/2019	41.736	41.736	34.693	313.960.134	
8	Xây dựng đường đến xã An Trường - An Trường A, huyện Càng Long	Huyện Càng Long	Sở Giao thông vận tải	Công trình giao thông	2018 - 2020	2072/QĐ-UBND, 31/10/2017; 254/QĐ-UBND, 14/02/2019	49.990	49.990	44.000	1.224.860.523	
9	Xây dựng tuyến đường Bến Kinh - Hạnh Mỹ - Mai Hương, xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang	Huyện Cầu Ngang	Sở Giao thông vận tải	Công trình giao thông	2017-2020	2398/QĐ-UBND 31/10/2016	39.044	39.044	22.419	214.984.185	

KW

12

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án		Vốn đã thanh toán (triệu đồng)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 (đồng)	Ghi chú	
						Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				
							Tổng số: (Triệu đồng)				Trong đó: NSNN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
10	Đường dẫn vào cầu để kết nối vào dự án LRAMP (dự án thành phần 7)	Huyện Cầu Ngang, Cầu Kè, Châu Thành, Càng Long, TP Trà Vinh	Sở Giao thông vận tải	Công trình giao thông	2018-2020	2147/QĐ-UBND, 31/10/2018	17.750	17.750	13.100	828.712.043	
11	Đường dẫn vào cầu để kết nối vào dự án LRAMP (dự án thành phần 8)	Huyện Tiểu Cần, Trà Cú, Duyên Hải	Sở Giao thông vận tải	Công trình giao thông	2019-2020	2146/QĐ-UBND, 31/10/2018	17.250	17.250	16.585	123.002.799	
12	Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Dương Háo Học, huyện Càng Long	Huyện Càng Long	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công trình dân dụng	2020-2022	310/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019; 74/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	7.747	7.747	6.100	64.596.000	
13	Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Đôn Châu, huyện Duyên Hải	Huyện Duyên Hải	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công trình dân dụng	2020-2022	2322/QĐ-UBND, 31/10/2019; 1946/QĐ-UBND, 03/4/2020	13.550	13.550	11.024	94.239.000	
14	Trường Trung học phổ thông Vũ Đình Liệt	Huyện Châu Thành	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công trình dân dụng	2019-2021	2268/QĐ-UBND, 30/10/2019; 2023/QĐ-UBND, 14/4/2020	14.372	14.372	15.214	209.484.000	
15	Nâng cấp, mở rộng Trường Trung học phổ thông Dương Quang Đông, huyện Cầu Ngang	Huyện Cầu Ngang	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công trình dân dụng	2020 - 2021	2321/QĐ-UBND, 31/10/2019	17.750	17.750	15.160	437.396.000	

KW

13

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Vốn đã thanh toán (triệu đồng)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 (đồng)	Ghi chú
						Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				
							Tổng số: (Triệu đồng)	Trong đó: NSNN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
16	Trường THPT Hồ Thị Nhâm	Huyện Càng Long	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công trình dân dụng	2021	299/QĐ-SKHĐT, 30/10/2019; 84/QĐ-SKHĐT, 06/4/2020	8.804	8.804	6.658	75.816.700	
17	Trường THPT Hàm Giang	Huyện Trà Cú	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công trình dân dụng	2020-2021	2105/QĐ-UBND, 17/10/2019	17.097	17.097	12.435	61.719.000	
18	Trường THPT Cầu Quan	Huyện Tiểu Cần	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công trình dân dụng	2020-2021	2269/QĐ-UBND, 30/10/2019	14.925	14.925	11.530	176.580.700	
19	Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Phong Phú, huyện Cầu Kè	Huyện Cầu Kè	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công trình dân dụng	2020-2021	2270/QĐ-UBND, 30/10/2019	11.420	11.420	8.977	170.301.000	
20	Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Nguyễn Văn Hai, huyện Càng Long	Huyện Càng Long	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công trình dân dụng	2020-2021	311/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	9.640	9.640	7.745	112.865.800	
21	Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Tam Ngãi, huyện Cầu Kè	Huyện Cầu Kè	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công trình dân dụng	2020-2021	2271/QĐ-UBND, 30/10/2019	10.318	10.318	8.220	164.176.000	
22	Trạm Y tế xã Long Khánh, huyện Duyên Hải	Huyện Duyên Hải	Sở Y tế	Công trình dân dụng	2017 - 2018	67/QĐ-SKHĐT, 25/3/2016	4.000	4.000	3.323	292.060.000	
23	Cải tạo, sửa chữa Cơ sở tư vấn và điều trị nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh	Huyện Châu Thành	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Công trình dân dụng	2019 - 2020	2133/QĐ-UBND, 30/10/2018	6.000	6.000	5.200	360.270.000	
24	Trung tâm Văn hóa tỉnh Trà Vinh	TPTV	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Công trình dân dụng	2020 - 2021	2166/QĐ-UBND, 31/10/2018	29.490	29.490	26.951	458.579.000	

KV

1H

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Vốn đã thanh toán (triệu đồng)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 (đồng)	Ghi chú
						Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				
							Tổng số: (Triệu đồng)	Trong đó: NSNN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
25	Đầu tư mua sắm phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho Công an tỉnh Trà Vinh	Thành phố Trà Vinh	Công an tỉnh	Mua sắm	2021	3707/QĐ-UBND, 19/11/2020	48.405	48.405	46.000	213.176.400	
26	Cơ sở làm việc Đội cảnh sát PCCC và CNCH khu vực huyện Cầu Kè	Huyện Cầu Kè	Công an tỉnh	Công trình dân dụng	2020 - 2021	3036/QĐ-SKHĐT, 30/10/2019; 85/QĐ-SKHĐT, 7/4/2020	6.768	6.768	6.000	311.946.103	
27	Mở rộng nơi làm việc Công an thành phố Trà Vinh	Thành phố Trà Vinh	Công an tỉnh	Công trình dân dụng	2020 - 2021	2265/QĐ-UBND, 30/10/2019; 2065/QĐ-UBND, 21/4/2020; 744/QĐ-UBND, 23/4/2021	13.646	13.646	12.000	953.325.374	
28	Nâng cấp, sửa chữa Tuyến số 01 và 02 dẫn vào Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải thuộc Khu kinh tế Định An	Thị xã Duyên Hải	Ban Quản lý Khu kinh tế	Công trình giao thông, cải tạo nâng cấp	2021	180/QĐ-BQLKKT, 19/11/2020	7.000	7.000	6.220	87.027.000	
29	Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Long Đức (các hạng mục còn thiếu)	Thành phố Trà Vinh	Ban Quản lý Khu kinh tế	Công trình hạ tầng	2020	137/QĐ-BQLKKT, 30/10/2019	2.902	2.902	2.500	26.289.000	
30	Cải tạo, mở rộng đường vào cơ sở điều trị ma túy	Huyện Châu Thành	BQL DA ĐTXD các công trình giao thông	Công trình giao thông	2021	385/QĐ-SKHĐT, 24/11/2020	8.000	8.000	6.545	250.938.830	

KW

15

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Vốn đã thanh toán (triệu đồng)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 (đồng)	Ghi chú
						Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				
							Tổng số: (Triệu đồng)	Trong đó: NSNN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
31	Nâng cấp, cải tạo mở rộng Trường Trung học phổ thông Đại An	Huyện Trà Cú	BQL DA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	Công trình dân dụng	2021	398/QĐ-SKHĐT, 30/11/2020	9.300	9.300	8.093	760.423.100	
32	Nâng cấp, cải tạo mở rộng Trường Trung học phổ thông Tập Sơn	Huyện Trà Cú	BQL DA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	Công trình dân dụng	2021	3780/QĐ-UBND, 27/11/2020	10.847	10.847	9.792	93.163.800	
33	Cải tạo, nâng cấp Hội trường A5, A6, A7, B1, B2 và B3; sân đường nội bộ, điện chiếu sáng ngoài nhà – Trường Chính trị Trà Vinh	TPTV	BQL DA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	Công trình dân dụng	2021	397/QĐ-SKHĐT, 30/11/2020	6.600	6.600	5.800	165.020.000	
34	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Càng Long	Huyện Càng Long	UBND huyện Càng Long	Công trình dân dụng	2019-2020	2148/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	7.000	7.000	6.478	72.511.000	
35	Xây dựng các phòng học thuộc Đề án mầm non 05 tuổi trên địa bàn huyện Càng Long - Giai đoạn 3	Huyện Càng Long	UBND huyện Càng Long	Công trình dân dụng	2019-2020	1634/QĐ-UBND 15/8/2018	19.000	19.000	14.708	340.202.300	
36	Đường nhựa liên xã Đại Phúc - Phương Thạnh, huyện Càng Long	Huyện Càng Long	UBND huyện Càng Long	Công trình giao thông	2020-2021	2310/QĐ-UBND, 31/10/2019	14.950	14.950	13.000	565.425.481	

KV

16

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Vốn đã thanh toán (triệu đồng)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 (đồng)	Ghi chú
						Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				
							Tổng số: (Triệu đồng)	Trong đó: NSNN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
37	Khu tưởng niệm nữ Anh hùng Nguyễn Thị Út (Út Tịch). Hạng mục: Nhà tưởng niệm, Nhà trưng bày	Huyện Cầu Kè	UBND huyện Cầu Kè	Mua sắm	2019 - 2020	230/QĐ-SKHĐT, 26/8/2019	5.366	5.366	3.567	42.469.600	
38	Cải tạo, nâng cấp mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Cầu Kè	Huyện Cầu Kè	UBND huyện Cầu Kè	Công trình dân dụng	2020 - 2021	2303/QĐ-UBND, 31/10/2019; 2039/QĐ-UBND, 16/4/2020	23.000	23.000	17.534	65.800.000	
39	Cầu giao thông nông thôn xã Vinh Kim - xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang	Huyện Cầu Ngang	UBND huyện Cầu Ngang	Công trình giao thông	2020-2021	317/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	9.945	9.945	8.500	433.669.000	
40	Cải tạo, nâng cấp mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Cầu Ngang (giai đoạn 4)	Huyện Cầu Ngang	UBND huyện Cầu Ngang	Công trình dân dụng	2020-2021	2320/QĐ-UBND, 31/10/2019	12.000	12.000	10.077	39.559.000	
41	Nâng cấp, mở rộng đường Mậu Thân, thị trấn Châu Thành (từ chùa Hang đến đường 30/4)	Huyện Châu Thành	UBND huyện Châu Thành	Công trình giao thông	2020	308/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019; 113/QĐ-SKHĐT, 10/4/2020	8.000	8.000	7.000	117.788.300	
42	Nhà trú bão cộng đồng xã Long Hòa, huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành	UBND huyện Châu Thành	Công trình dân dụng	2020	309/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019; 131/QĐ-SKHĐT, 20/4/2020	6.805	6.805	6.000	176.424.017	
43	Xây dựng các phòng học thuộc đề án mầm non 05 tuổi trên địa bàn huyện Duyên Hải	Huyện Duyên Hải	UBND huyện Duyên Hải	Công trình dân dụng	2020 - 2021	300/QĐ-SKHĐT; 30/10/2019	6.200	6.200	5.000	218.444.000	

KW

17

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Vốn đã thanh toán (triệu đồng)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 (đồng)	Ghi chú
						Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				
							Tổng số: (Triệu đồng)	Trong đó: NSNN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
44	Đường Giồng Bàn, xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải (Điểm đầu giáp QL53, điểm cuối giáp đê Quốc Phòng)	Huyện Duyên Hải	UBND huyện Duyên Hải	Công trình giao thông	2020	295/QĐ-SKHĐT; 30/10/2019	7.347	7.347	6.036	87.415.000	
45	Cải tạo, nâng cấp mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Duyên Hải (giai đoạn 4)	Huyện Duyên Hải	UBND huyện Duyên Hải	Công trình dân dụng	2020-2021	2318/QĐ-UBND, 31/10/2019	11.000	11.000	8.785	71.156.000	
46	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 54 cũ (từ cầu Rạch Lọp - Trụ sở Khóm 6)	Huyện Tiểu Cần	UBND huyện Tiểu Cần	Công trình giao thông	2020-2021	2315/QĐ-UBND, 31/10/2019	11.675	11.675	10.000	725.554.600	
47	Đường giao thông khóm 5, thị trấn Tiểu Cần	Huyện Tiểu Cần	UBND huyện Tiểu Cần	Công trình giao thông	2020-2021	2319/QĐ-UBND, 31/10/2019	10.243	10.243	9.000	877.505.000	

KW

18